

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 336 /2023/DS-PT

Ngày 25 - 9 - 2023

V/v Yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho
quyền sử dụng đất vô hiệu

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Sâm

Các Thẩm phán: Bà Đinh Thị Tuyết

Bà Nguyễn Thị Thu Trang

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mai Loan, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Bà Lương Thị Diệu Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 236/2023/TLPT-DS ngày 02/8/2023 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất vô hiệu”. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 93/2023/DS-ST ngày 05/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 258/2023/QĐ-PT ngày 14/8/2023; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 243/2023/QĐ-PT ngày 11/9/2023, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn Q; địa chỉ: Văn phòng B1, Nhà A, phố N, phường Q, quận B, thành phố Hà Nội; Có mặt.

Người đại diện ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đào Huy H; địa chỉ: Số B N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Văn bản ủy quyền ngày 07/3/2023); Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần B - Luật sư thuộc Văn phòng L, Đoàn Luật sư thành phố H; địa chỉ: Số B L, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; Có mặt.

2. **Bị đơn:** Ông Nguyễn Mai H1, bà Nguyễn Thị Bạch M; địa chỉ: Số D L, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt.

Người đại diện ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Mai H1: Bà Nguyễn Vương Thủy T; địa chỉ: Số D P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Văn bản ủy quyền ngày 21/3/2023); Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Nguyễn Thị Bạch M: Ông Đặng Ngọc H2 - Luật sư thuộc Văn phòng L1, Đoàn Luật sư tỉnh Đ; địa chỉ: Số B T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Nhật T1; địa chỉ: 3.11 C đường D, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh; Vắng mặt.

Người đại diện ủy quyền của ông T1: Bà Nguyễn Vương Thủy T; địa chỉ: Số D P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Văn bản ủy quyền ngày 07/01/2023); Có mặt.

3.2. Văn phòng C; địa chỉ: Số B Y, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện ủy quyền: Bà Đỗ Thị Hằng N; địa chỉ: Số B Y, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Văn bản ủy quyền ngày 07/3/2023); Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.3. Ủy ban nhân dân phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: Số C L, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt.

4. *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Nguyễn Mai H1.

5. *Người kháng nghị:* Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q trình bày:

Do mối quan hệ quen biết, năm 2002 ông Q gửi vào Công ty X do ông Nguyễn Mai H1 làm Giám đốc 5.500kg cà phê nhân xô. Ông Q nhiều lần đến công ty của ông H1 để chốt cà phê nhưng ông H1 cứ xin khát, sau đó công ty ngưng hoạt động và chưa trả cho ông Q số cà phê trên. Ông Q đã khởi kiện ông Nguyễn Mai H1 và ông Nguyễn Đình T2, tại Bản án dân sự phúc thẩm số 82/2009/DSPT ngày 28/6/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk tuyên buộc cá nhân ông Nguyễn Mai H1 và ông Nguyễn Đình T2 thực hiện nghĩa vụ dân sự liên đới chịu trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Văn Q 5.500kg cà phê nhân R2 5%, trong đó ông Nguyễn Mai H1 phải trả cho ông Q 2.750kg cà phê nhân xô và ông T2 trả cho ông Q 2.750kg cà phê nhân xô. Thực hiện bản án, ông Q đã làm đơn yêu cầu thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Đắk Nông để yêu cầu thi hành án đối với ông T2 và ông H1, nhưng qua xác minh ông T2 không có tài sản, còn ông H1 có tài sản nhưng ông H1 mới trả được cho ông Q số tiền 60.000.000 đồng, số còn lại ông H1 không chịu trả.

Sau đó, Chi cục Thi hành án dân sự huyện X ủy thác thi hành án nghĩa vụ của ông H1 và ông Q tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Tại Quyết định thi hành án số 3410/QĐ-CCTHADS ngày 28/9/2018 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B buộc ông T2 và ông H1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Q số cà phê còn lại là 2.750kg. Căn cứ Công văn số 2921

ngày 13/9/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B cho biết, ông Nguyễn Mai H1 và bà Nguyễn Thị Bạch M có tài sản là thửa đất số 13, tờ bản đồ số 30 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 905380. Hiện nay ông Q phát hiện vợ chồng ông H1 đã tặng cho diện tích đất này cho con trai là Nguyễn Nhật T1, sau đó ông T1 tặng cho lại mẹ là bà Nguyễn Thị Nhật M1 để trốn tránh nghĩa vụ thi hành án của ông Q. Việc tặng cho tài sản của vợ chồng ông H1 cho ông T1 và ông T1 tặng cho lại bà M1 là sau ngày Bản án dân sự phúc thẩm số 82/2009/DSPT ngày 28/6/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, đây là hành vi tẩu tán tài sản nhằm trốn tránh nghĩa vụ thi hành án theo khoản 2 Điều 75 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi năm 2014.

Đối với văn bản thỏa thuận ngày 13/5/2018 do ông H1 cung cấp thì ông Q không đồng ý, lẽ ra lúc đó ông Q phải nhận số tiền 100.000.000 đồng của 2.750kg cà phê nhưng lúc đó ông H1 năn nỉ xin giảm phần của ông H1 nên ông Q đồng ý nhận 60.000.000 đồng chứ không phải là thỏa thuận thi hành án đối với 2.750kg cà phê. Lẽ ra ông H1 phải soạn giấy biên nhận tiền nhưng ông H1 soạn sẵn văn bản thỏa thuận thi hành án và không đọc cho ông Q nghe, ông Q cứ nghĩ là ký nhận số tiền 60.000.000 đồng. Trong văn bản thỏa thuận không ghi ông Q đã đọc và đồng ý nên văn bản thỏa thuận cho rằng ông Q không được tiếp tục yêu cầu thi hành án đối với ông Nguyễn Mai H1 là không có căn cứ, phần nghĩa vụ của ông H1 là nghĩa vụ liên đới với ông T2 phải trả 5.500kg cà phê cho ông Q, nhưng hiện nay ông H1 mới thanh toán 60.000.000 đồng còn ông T2 không có tài sản là chưa hoàn thành nghĩa vụ theo Bản án số 82/2009/DSPT ngày 28/6/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Vì vậy, ông Q khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 167, quyền số 01/2009 do UBND phường E ngày 20/7/2009 và Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 4549, quyền số 4/2017 do Văn phòng C công chứng ngày 27/4/2017 đối với thửa đất số 13, tờ bản đồ số 30 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 905380 là vô hiệu, vi trái đạo đức, trái pháp luật và nhằm trốn tránh nghĩa vụ thi hành án đối với nghĩa vụ của ông Q.

Bị đơn ông Nguyễn Mai H1 có người đại diện ủy quyền là bà Nguyễn Vương Thủy T trình bày:

Ông Hiệp n là Giám đốc Chi nhánh cung ứng thu mua hàng hóa xuất khẩu Đ (Đơn vị trực thuộc Công ty X); ông Nguyễn Đình T2 là tổ thu mua thuộc chi nhánh, là người tiếp nhận, nhập kho, thu mua của ông Nguyễn Văn Q 5.500kg cà phê nhân R2 5%. Sau đó, ông T2 không có khả năng thanh toán số cà phê trên nên ông Q đã khởi kiện ra Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 135/2008/DSST ngày 23/12/2008 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tuyên xử chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn Q, buộc ông Nguyễn Mai H1 có trách nhiệm thanh toán cho ông

Nguyễn Văn Q 5.500kg cà phê R2 5%. Ông H1 kháng cáo, tại Bản án dân sự phúc thẩm số 82/2009/DSPT ngày 28/6/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk tuyên xử: Sửa một phần bản án sơ thẩm, buộc ông Nguyễn Mai H1 và ông Nguyễn Đình T2 thực hiện nghĩa vụ dân sự liên đới chịu trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Văn Q 5.500kg cà phê nhân R2 5% chia theo phần cụ thể: Ông Nguyễn Mai H1 thanh toán cho ông Nguyễn Văn Q 2.750kg cà phê nhân R2 5%, ông Nguyễn Đình T2 thanh toán cho ông Nguyễn Văn Q 2.750kg cà phê nhân R2 5%.

Ngày 04/8/2009, ông Hiệp t cho con trai là ông Nguyễn Nhật T1 thừa đất số 13, tờ bản đồ 30 tại phường E, thành phố B (Nay có địa chỉ là số D L, Tp .). Sau đó, ông Q gặp ông H1 để yêu cầu thanh toán số cà phê trên; do nhận thấy mình chưa hoàn tất nghĩa vụ dân sự theo Bản án số 82/2009/DSPT ngày 28/6/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, nên ông H1 và ông Q đã thống nhất ký kết văn bản thỏa thuận thi hành án ngày 15/5/2018 với nội dung: Ông Nguyễn Mai H1 chỉ phải thanh toán cho ông Nguyễn Văn Q số tiền 60.000.000 đồng tương ứng với toàn bộ phần nghĩa vụ ông Nguyễn Mai H1 phải thực hiện theo bản án số 82/2009/DSPT đã tuyên. Kể từ khi ông Nguyễn Văn Q nhận đủ số tiền trên và ký vào văn bản này, ông Nguyễn Mai H1 không còn nghĩa vụ phải thanh toán cho ông Nguyễn Văn Q bất cứ khoản tiền hay tài sản nào khác. Ông Nguyễn Văn Q không có quyền tiếp tục yêu cầu thi hành án đối với ông Nguyễn Mai H1 theo bản án phúc thẩm số 82/2009/DSPT (Nếu đã yêu cầu thi hành án thì phải rút đơn yêu cầu thi hành án với ông Nguyễn Mai H1) và không có khiếu nại gì từ nay về sau. Ông Q đã ký, xác nhận dưới văn bản “đã nhận đủ số tiền 60.000.000 đồng”. Theo khoản 1 điều 6 Luật Thi hành án dân sự quy định “*Đương sự có quyền thỏa thuận về việc thi hành án, nếu thỏa thuận đó không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Kết quả thi hành án theo thỏa thuận được công nhận*”. Do đó, giữa ông H1 và ông Q đã có sự thỏa thuận về việc thi hành án đối với bản án số 82/2009/DSPT ngày 28/6/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk về phần nghĩa vụ của ông H1, và ông H1 đã hoàn tất nghĩa vụ trên đối với ông Q. Vì vậy, ông Q không còn quyền đề khởi kiện ông H1 đối với những vấn đề liên quan đến việc thực hiện nghĩa vụ trên. Đề nghị Tòa án xem xét bác đơn khởi kiện của ông Q và đình chỉ giải quyết vụ án.

Bị đơn Bà Nguyễn Thị Bạch M trình bày:

Bà là vợ của ông Nguyễn Mai H1, việc ông Q khởi kiện yêu cầu tuyên bố các hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất vô hiệu là không có cơ sở, bởi lẽ: Ông Q đã thỏa thuận với ông H1 về việc thi hành bản án dân sự phúc thẩm số 82/2009 của TAND tỉnh Đắk Lắk, ông H1 đã hoàn tất nghĩa vụ nên ông Q không có quyền khởi kiện những vấn đề liên quan đến nghĩa vụ của ông H1 và cũng không có quyền yêu cầu hủy các hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất vô

hiệu. Việc ông Nguyễn Nhật T1 nhận tặng cho quyền sử dụng đất là thửa đất số 13, tờ bản đồ số 30, diện tích 598m² tại số D L là đúng quy định của pháp luật, yêu cầu Tòa án bác đơn khởi kiện của ông Q.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Nhật T1 có đại diện ủy quyền là bà Nguyễn Vương Thủy T trình bày:

Ông T1 thống nhất với trình bày của bố mẹ là ông Nguyễn Mai H1, bà Nguyễn Thị Bạch M. Đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của ông Q.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng C trình bày:

Ngày 27/4/2017, ông Nguyễn Nhật T1 và bà Nguyễn Thị Bạch M có yêu cầu Văn phòng C công chứng việc tặng cho quyền sử dụng đất, giữa người tặng cho ông Nguyễn Nhật T1 với người được tặng cho là bà Nguyễn Thị Bạch M, đối với thửa đất số 13, tờ bản đồ số 30, diện tích 598m² (gồm 300m² đất ở tại đô thị, 298m² đất trồng cây lâu năm) tại phường E, thành phố B, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 905380, vào sổ số H 04/806 do UBND thành phố B cấp ngày 04/8/2009. Dựa trên sự thỏa thuận của các bên về các điều khoản trong hợp đồng công chứng, sau khi kiểm tra hồ sơ có liên quan, Văn phòng C đã soạn thảo Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho các bên. Trước khi công chứng hợp đồng, Văn phòng công chứng đã giải thích rõ cho các bên về quyền lợi và nghĩa vụ của mình khi tiến hành thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất. Các bên đã đọc và đồng ý toàn bộ nội dung của Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và đã ký tên vào Hợp đồng. Việc công chứng hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất nêu trên là hoàn toàn đúng theo quy định của pháp luật về công chứng, nội dung của các điều khoản trong hợp đồng đều dựa trên ý chí tự nguyện của các bên. Sau khi hoàn tất thủ tục công chứng, các bên đã thực hiện thủ tục sang tên theo đúng quy định pháp luật. Nay ông Nguyễn Văn Q khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Nhật T1 và bà Nguyễn Thị Bạch M được Văn phòng C chứng nhận ngày 27/4/2017 vô hiệu thì đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân phường E, thành phố B trình bày: Quá trình giải quyết vụ án, UBND phường E không tham gia tố tụng và không có kiến gì.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 93/2023/DS-ST ngày 05/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 129 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 116, Điều 117, Điều 122, Điều 123, khoản 2 Điều 124, Điều 130, Điều 288 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016

của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q.

Tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được UBND phường E số 167, quyền số 01/2009/TP-CC-SCT/HĐGD ngày 20/7/2009 giữa ông Nguyễn Mai H1, bà Nguyễn Thị Bạch M với ông Nguyễn Nhật T1; Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được Văn phòng C công chứng số 4549, quyền số 04/TP-CC-SCC/HĐGD ngày 27/4/2017 giữa ông Nguyễn Nhật T1 với bà Nguyễn Thị Bạch M, đối với thửa đất số 13, tờ bản đồ số 30, diện tích 598m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 905380 vô hiệu một phần của ông Nguyễn Mai H1.

2. Về án phí và chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Mai H1 và bà Nguyễn Thị Bạch M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự và 1.000.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Trả lại cho ông Nguyễn Văn Q 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp (Ông Đào Huy H nộp thay) theo biên lai thu số AA/2021/0021583 ngày 12/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B và 1.000.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ sau khi thu được từ ông H1 và bà M.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án cho các đương sự theo quy định.

Ngày 13/6/2023, bị đơn ông Nguyễn Mai H1 kháng cáo: Đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q.

Ngày 04/7/2023, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 465/QĐ-VKS-DS, kháng nghị đối với bản án sơ thẩm với nội dung: Ông H1, bà M thực hiện việc tặng cho quyền sử dụng đất cho ông T1 khi đang có nghĩa vụ đối với ông Q theo Bản án số 82/2009/DS-PT ngày 29/6/2009 của TAND tỉnh Đắk Lắk, nhưng hiện nay ông H1 đã thỏa thuận thi hành án và thực hiện xong, nên không có căn cứ xác định các hợp đồng tặng cho trên vô hiệu một phần do giả tạo nhằm trốn tránh nghĩa vụ với người thứ ba. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện; bị đơn ông Nguyễn Mai H1 giữ nguyên nội dung kháng cáo; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk giữ nguyên nội dung kháng nghị.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã tuân thủ đầy đủ và thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Qua phân tích đánh giá các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự: Chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Mai H1; Chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 465/QĐ-VKS-DS ngày 04/7/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk - Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 93/2023/DS-ST ngày 05/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo hướng bác đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét nội dung khởi kiện của ông Nguyễn Văn Q, nội dung kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Mai H1 và nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, HĐXX xét thấy:

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 82/2009/DSPT ngày 28/6/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã tuyên xử:

“Sửa một phần bản án sơ thẩm. Buộc ông Nguyễn Mai H1 và ông Nguyễn Đình T2 thực hiện nghĩa vụ dân sự liên đới chịu trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Văn Q 5.500kg cà phê nhân R2 5%, chia theo phần cụ thể: Ông Nguyễn Mai H1 thanh toán cho ông Q 2.750kg cà phê nhân R2 5%; ông Nguyễn Đình T2 trả cho ông Q 2.750kg cà phê nhân R2 5%”.

Ngày 13/5/2018, ông H1 và ông Q đã thống nhất ký kết văn bản thỏa thuận thi hành án với nội dung: *“Ông Nguyễn Mai H1 chỉ phải thanh toán cho ông Nguyễn Văn Q số tiền 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) tương ứng với toàn bộ phần nghĩa vụ ông Nguyễn Mai H1 phải thực hiện theo bản án số 82/2009/DSPT đã tuyên là 2.750kg cà phê nhân R2 5%. Kể từ khi ông Nguyễn Văn Q nhận đủ số tiền 60.000.000 đồng và ký vào văn bản này, ông Nguyễn Mai H1 không còn nghĩa vụ phải thanh toán cho ông Nguyễn Văn Q bất cứ khoản tiền hay tài sản nào khác. Ông Nguyễn Văn Q không có quyền tiếp tục yêu cầu thi hành án đối với ông Nguyễn Mai H1 theo bản án phúc thẩm số 82/2009/DSPT (nếu đã yêu cầu thi hành án thì phải rút đơn yêu cầu thi hành án với ông Nguyễn Mai H1) và không có khiếu nại gì từ nay về sau”.* Ông quý đã ký, xác nhận dưới văn bản đã nhận đủ số tiền 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng).

Việc thoả thuận thi hành án giữa ông H1 và ông Q hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội theo quy định tại Điều 6 Luật thi hành án dân sự và Điều 5 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ, được lập bằng văn bản, có chữ ký xác nhận của các bên. Do đó, ông Nguyễn Mai H1 đã thực hiện xong nghĩa vụ của mình đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 82/2009/DSPT ngày 29/6/2009 của TAND tỉnh Đắk Lắk.

Tuy nhiên, ngày 04/8/2009, ông Nguyễn Mai H1 và bà Nguyễn Thị Bạch M tặng cho con trai là ông Nguyễn Nhật T1 thửa đất số 13, tờ bản đồ số 30, diện tích 598m² tại 447/33/5 L, phường E, TP B, tỉnh Đắk Lắk (nay là thửa đất địa chỉ 4 L, phường E, TP B, tỉnh Đắk Lắk), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 905380 do U cấp ngày 20/7/2009.

Tức trước khi ông H1 và ông Q có Văn bản thoả thuận thi hành án ngày 13/5/2018 thì việc tặng cho là vi phạm khoản 1 Mục IV Thông tư liên tịch số 12/2001/TTLT-BTP-VKSNDTC ngày 26/02/2001 và Điều 24 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015, nên cần hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được UBND phường E số 167, quyền số 01/2009/TP-CC-SCT/HĐGD ngày 20/7/2009 giữa ông Nguyễn Mai H1, bà Nguyễn Thị Bạch M với ông Nguyễn Nhật T1; Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được Văn phòng Công chứng số 4549, quyền số 04/TP-CC-SCC/HĐGD ngày 27/4/2017 giữa ông Nguyễn Nhật T1 với bà Nguyễn Thị Bạch M, đối với thửa đất số 13, tờ bản đồ số 30, diện tích 598m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 905380 vô hiệu một phần của ông Nguyễn Mai H1.

Từ những phân tích, nhận định như trên, HĐXX xét thấy cần bác kháng cáo của ông Nguyễn Mai H1 và bác kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

[2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Mai H1 phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- [1] Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Mai H1.
 - Không chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 465/QĐ-VKS-DS ngày 04/7/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk.
 - Giữ nguyên Quyết định của bản án dân sự sơ thẩm số 93/2023/DS-ST ngày 05/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

[2] Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q.

+ Tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được UBND phường E số 167, quyền số 01/2009/TP-CC-SCT/HĐGD ngày 20/7/2009 giữa ông Nguyễn Mai H1, bà Nguyễn Thị Bạch M với ông Nguyễn Nhật T1 vô hiệu một phần đối với ông Nguyễn Mai H1.

+ Tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được Văn phòng Công chứng số 4549, quyền số 04/TP-CC-SCC/HĐGD ngày 27/4/2017 giữa ông Nguyễn Nhật T1 với bà Nguyễn Thị Bạch M, đối với thửa đất số 13, tờ bản đồ số 30, diện tích 598m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 905380 vô hiệu.

[3] Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Mai H1 và bà Nguyễn Thị Bạch M phải chịu 1.000.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Ông Nguyễn Văn Q được nhận lại 1.000.000 đồng tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ sau khi thu được của ông Nguyễn Mai H1 và bà Nguyễn Thị Bạch M.

[4] Về án phí:

[4.1] Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Mai H1 và bà Nguyễn Thị Bạch M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn Q 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp (Ông Đào Huy H nộp thay) theo biên lai thu số AA/2021/0021583 ngày 12/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

[4.2] Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Nguyễn Mai H1 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp (Bà Nguyễn Vương Thủy T nộp thay) theo biên lai thu số AA/2022/0002900 ngày 28/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp. B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Sâm

